TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 26-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lộc Văn Chung;

2. Bà Nông Bích Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Văn N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1986 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Xuân V, sinh năm 1956 và bà Lành Thị N, sinh năm 1957; có vợ Hoàng Thị N, sinh năm 1987; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 18/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông La Văn C, vắng mặt;

2. Ông Vy Văn Đ, vắng mặt;

3. Ông Đinh Văn C, vắng mặt;

4. Bà Phạm Thị Q, vắng mặt;

5. Bà Trần Thị L, vắng mặt;

6. Bà Phạm Thị X, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/10/2023, khi Nông Văn N đang ở nhà thì tài khoản Zalo "Người Nùng" của Nông Văn N nhận được điện thoại từ một tài khoản Zalo (Nông Văn N không nhớ tên tài khoản zalo này), Nông Văn N nghe máy thì có giọng của một người phụ nữ (không biết họ tên, địa chỉ) đặt vấn đề thuê Nông Văn N đón 03 người Việt Nam từ khu vực cây xăng thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đưa đến khu vực dốc Phạ Tầm, Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sẽ có người đưa 03 người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công là 600.000đồng/người, xong việc sẽ có người liên hệ với Nông Văn N giao tiền công tại khu vực cây xăng thị trấn L, Nông Văn N đồng ý. Sau khi trao đổi xong, người phụ nữ này gửi cho Nông Văn N hai số điện thoại qua điều tra xác định là số 0393.201.384 (số điện thoại của Phạm Thị Q, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang) và 0865.446.028 (số điện thoại của Trần Thị L, sinh năm 1967; trú tại: Khu phố 9, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái) để Nông Văn N tự liên lạc đón khách. Khi có được số điện thoại của khách, Nông Văn N sử dụng số thuê bao 0974.310.678 gọi điện cho người quen là La Văn C (sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) làm nghề lái ôm chở khách ở thị trấn L, huyện L bảo La Văn C gọi thêm hai người nữa để đón ba người từ khu vực cây xăng thị trấn L, huyện L chở vào khu vực Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, tiền công là 250.000đồng/người khách, tuy nhiên Nông Văn N không cho La Văn C biết việc Nông Văn N sẽ đưa 03 người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, La Văn C đồng ý, đồng thời Nông Văn N gửi cho La Văn C hai số điện thoại 0393.201.384 và 0865.446.028 để đón khách. Sau đó La Văn C đã gọi điện cho Vy Văn Đ (sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) và Đinh Văn C (sinh năm 1964; HKTT: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) cùng làm nghề xe ôm để đón khách từ cây xăng thị trấn L đưa vào Thôn B, xã T với tiền công 250.000đồng/01 người, Vy Văn Đ và Đinh Văn C đồng ý. La Văn C hẹn đến khoảng 14 giờ cùng ngày cả ba người có mặt ở cây xăng thị trấn L để chở khách. Sau đó La Văn C gọi điện cho hai số điện thoại 0393.201.384 và 0865.446.028 hẹn đón ở khu vực cây xăng L. Đúng hẹn, La Văn C, Vy Văn Đ, Đinh Văn C điều khiển xe mô tô đến cây xăng thị trấn L thì gặp Phạm Thị X (sinh năm 1974, trú tại thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh), Phạm Thị Q và Trần Thị L đang đứng chờ. Tại đây, La Văn C chở Phạm Thị Q đi trước, Đinh Văn C chở Phạm Thị X, Vy Văn Đ chở Trần Thị L đi theo hướng vào xã T, huyện L. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Nông Văn N đang ở nhà tại Thôn B thì thấy có 03 người đàn ông chạy xe ôm mỗi xe chở 01 người phụ nữ đi từ hướng xã T vào đến Thôn B, Nông Văn N nhận ra La Văn C trong số ba người lái xe mô tô nên gọi điện bảo La Văn C đưa 03 người phụ nữ đi lên dốc Phạ Tầm, Thôn B, xã T. Khi La Văn C, Vy Văn Đ, Đinh Văn C đang trên đường chở 03 (ba) người phụ nữ trên đến dốc Phạ Tầm thuộc Thôn B, xã T thì bị tổ công tác của Đồn Biên phòng Chi Lăng và Công an xã T tiến hành kiểm tra rồi đưa về Ủy ban nhân dân xã T để xác minh, làm rõ. Nông Văn N ở nhà nghe tin lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện bắt giữ số người xuất cảnh trái

phép sang Trung Quốc, Nông Văn N sợ bị lực lượng chức năng phát hiện nên đã xóa hết các cuộc gọi điện thoại và tin nhắn của Nông Văn N với người phụ nữ đã gọi bảo Nông Văn N đi đón khách đưa xuất cảnh trái phép. Khoảng 17 giờ ngày 17/10/2023, Nông Văn N đến trụ sở Đồn Biên phòng Chi Lăng đầu thú về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Vật chứng, đồ vật, tài sản của vụ án chưa xử lý: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, lắp 01 sim Viettel có số 0974.310.678 của Nông Văn N.

Người làm chứng: Tại Cơ quan điều tra Công an ông La Văn C trình bày: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17/10/2023 ông đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Nông Văn N bảo chở 03 người khách từ cây xăng thị trấn L vào Thôn B, xã T tiền công là 250.000đồng/người ông đồng ý, sau đó ông gọi điện thoại cho Vy Văn Đ, Đinh Văn C cùng làm nghề xe ôm đi chở khách tiền công 250.000đồng/người, Vy Văn Đ, Đinh Văn C đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng thì cả ba người có mặt tại cây xăng thị trấn L nhìn thấy 03 người phụ nữ đang chờ ở đó, ông hỏi có phải khách chờ xe ôm không họ bảo phải, ông cùng Vy Văn Đ, Đinh Văn C chở mỗi người một người, trên đường đi không ai nói chuyện gì. Khi đi đến Thôn B, xã T ông dừng xe gọi điện thoại cho Nông Văn N nói đã đến Bản Lòng Pò Bó, Nông Văn N bảo đi thêm một đoạn nữa đến dốc Phạ Tầm, Pò Bó khi cả 03 ông đang đi gần đến dốc Phạ Tầm, Pò Bó, xã T thì bị tổ công tác Biên Phòng và Công an xã T, huyện L tiến hành kiểm tra, tổ công tác đưa các ông và 03 người phụ nữ về UBND xã T để làm việc.

Người làm chứng: Ông Vy Văn Đ, ông Đ Văn Cường trình bày tại Cơ quan điều tra: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/10/2023 các ông đang ở nhà thì nhận được điện thoại của La Văn C báo có khách chở vào Thôn B, xã T tiền công 250.000đồng/người, hai chúng tôi đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng cả ba người có mặt tại cây xăng thị trấn L thì thấy 03 người phụ nữ ở đó, các ông chở mỗi người một người như lời khai của La Văn C đã trình bày cho đến khi bị tổ công tác kiểm tra đưa về UBND xã T lấy lời khai các ông mới biết là 03 người phụ nữ đang có nhu cầu sang Trung Quốc.

Đối với bà Phạm Thị Q, bà Trần Thị L, bà Phạm Thị X trình bày tại cơ quan Công an: Do ở quê không có việc làm nên các bà có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê, qua người quen giới thiệu biết ở bên Trung Quốc đang nhu cầu tuyển người làm thuê ở Công ty và có người đưa, đón sang Trung Quốc theo đường mòn cửa khẩu Chi Ma của huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2, ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Văn N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn được phân công thực hành quyền công tố tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và

đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, lắp 01 sim Viettel có số 0974.310.678 là phương tiện phạm tội của Nông Văn N. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sư việc và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17-10-2023, bị cáo Nông Văn N được một người phụ nữ thuê đưa 03 người phụ nữ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để nhận tiền công là 600.000 đồng/người, bị cáo đã thuê 03 người lái xe ôm ở thị trấn L chở 03 người phụ nữ từ cây xăng thị trấn L vào đến dốc Phạ Tầm, Pò Bó xã T tiền công là 250.000 đồng/người, khi 03 người lái xe ôm chở đi gần đến dốc Phạ Tầm thuộc Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của các cơ quan có thẩm quyền của

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có năng lực hành vi nhận thức được việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên việc 03 công dân Việt Nam chưa xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam đã bị Cơ quan chức năng kịp thời phát hiện ngăn chặn là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; sau khi sự việc xảy ra bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Đồn biên phòng Chi Lăng để đầu thú, bị cáo được Ủy ban nhân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tặng thưởng 02 Giấy khen do đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước năm 2021 và có thành tích trong thực hiện chính sách pháp luật về thuế năm 2022; bố đẻ được Ủy ban nhân tỉnh Lạng Sơn tặng thưởng Bằng khen do đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia được Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tặng Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới; ông nội là ông Nông Nhật Trọng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Do hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để bị cáo thấy được nghiêm minh nhưng cũng rất sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng…''. Tuy nhiên bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với người phụ nữ đã gọi điện thuê Nông Văn N đưa 03 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và các đối tượng đã hướng dẫn Phạm

Thị Q, Trần Thị L, Phạm Thị X đi đến Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Do không có thông tin về nhân thân và địa chỉ cư trú nên Cơ quan An ninh điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với La Văn C, Vy Văn Đ, Đinh Văn C cả ba người này đều không được biết mục đích Nông Văn N thuê chở khách từ thị trấn L vào khu vực xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, vì vậy hành vi chở người của La Văn C, Vy Văn Đ, Đinh Văn C không đồng phạm với Nông Văn N.

[10] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, lắp 01 sim Viettel có số 0974.310.678 của Nông Văn N là điện thoại liên lạc để đưa người sang Trung Quốc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 293, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-10-2023.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, lắp 01 sim Viettel có số 0974.310.678 của Nông Văn N.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22-01-2024).

5. Về án phí: Bị cáo Nông Văn N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị N